4. Bé có biết những trang phục này không? Bé ấn vào và nói các từ này nhé.

coat /kəʊt/ 	sweater /ˈswetə(r)/ 	scarf /skɑːf/ 	socks /sɒks/ 	jacket /ˈdʒækɪt/
trousers /ˈtraʊzəz/ 	shoes /ʃuːz/ 	T-shirt /ˈtiː ʃɜːt/ 	glasses /ˈglɑːsɪz/ 	swimsuit /ˈswɪmsuːt/

5. Bé có biết tên gọi của các sắc màu này không? Bé ấn vào và nói để giúp máy viết chính tả nhé.

red /red/	orange /ˈɒrɪndʒ/	yellow /ˈjeləʊ/	green /griːn/
blue /bluː/	indigo /ˈɪndɪgəʊ/	violet /ˈvaɪələt/	purple /ˈpɜːpl/
pink /pɪŋk/	black /blæk/	brown /braʊn/	grey /greɪ/
beige /beɪʒ/	white /waɪt/	silver /ˈsɪlvə(r)/	gold /gəʊld/

LIVEWORKSHEETS